

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Đỗ Hùng	Chủ tịch HĐQT	20/3/2009	
Ông Đỗ Hoà	Thành viên	20/3/2009	
Bà Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên	20/3/2009	
Ông Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên	23/01/2015	
Ông Lưu Xuân	Thành viên	23/01/2015	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng ban	6/3/2012	8/5/2020
Bà Nguyễn Đài Trang	Thành viên	20/3/2009	
Ông Nguyễn Tăng Minh Đức	Thành viên	20/3/2009	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Đỗ Hòa	Quyền Tổng Giám đốc	01/8/2020	
Ông Đỗ Hùng	Tổng giám đốc	20/3/2009	01/8/2020
Ông Đỗ Hoà	Phó Tổng Giám đốc	20/3/2009	01/8/2020

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đỗ Hùng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



ĐỖ HÙNG - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số I.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phản ánh lỗ 40.629.539.455 giảm 48.134.365.830 VND so với năm trước (lợi nhuận kinh doanh năm trước là 5.990.481.176 VND). Năm nay, doanh thu của Công ty chỉ đạt 325.794.836.363 VND, giảm đáng kể so với doanh thu năm trước với mức giảm là 310.206.994.178 VND, tương đương tỷ lệ giảm là 49%, và đây là nguyên nhân chính làm cho kết quả kinh doanh của Công ty sụt giảm đáng kể trong năm.

Hội đồng quản trị Công ty đã và đang chủ động hàng loạt các giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cũng như thích ứng với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép không gỉ. Do đó Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ngoài ra, theo Thuyết minh số V.8, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong số Nhà cửa, vật kiến trúc có một số nhà cửa, vật kiến trúc tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 18.641.281.619 VND và trong số Máy móc thiết bị có một số máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại 110.875.802.245 VND.

Các vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc này rằng, cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn chưa bầu ra Trường ban kiểm soát để thay thế bà Nguyễn Thị Kim Chi, đã từ nhiệm chức danh Trường ban kiểm soát từ ngày 8 tháng 5 năm 2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2698-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B01-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		390.085.044.266	505.161.295.084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.988.696.686	4.007.954.092
Tiền	111	V.1	5.988.696.686	4.007.954.092
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	40.183.147.652
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	40.183.147.652
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		130.357.604.422	185.827.541.775
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	92.249.197.966	119.569.554.828
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	37.843.157.697	41.281.550.027
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	14.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	265.248.759	10.976.436.920
IV. Hàng tồn kho	140		252.381.784.063	271.994.532.940
Hàng tồn kho	141	V.6	252.381.784.063	271.994.532.940
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.356.959.095	3.148.118.625
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	139.743.364	49.736.082
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.202.961.515	3.084.128.327
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	14.254.216	14.254.216
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		335.698.586.105	399.827.304.517
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	41.349.444.444
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	5.349.444.444
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	36.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		334.433.612.724	288.063.525.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	240.834.543.375	191.928.153.552
Nguyên giá	222		401.398.656.362	328.880.435.902
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.564.112.987)	(136.952.282.350)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	93.599.069.349	96.135.371.841
Nguyên giá	228		106.108.473.300	106.108.473.300
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.509.403.951)	(9.973.101.459)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		243.198.772	68.951.398.642
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	243.198.772	68.951.398.642
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	500.000.000	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		521.774.609	962.936.038
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	521.774.609	962.936.038
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		725.783.630.371	904.988.599.601

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		202.807.844.708	341.215.274.483
I. Nợ ngắn hạn	310		202.050.132.308	340.685.262.083
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.922.036.487	11.278.083.008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	47.693.604	495.160.594
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	-	3.724.797.381
4. Phải trả người lao động	314		174.045.218	569.890.095
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14a	381.131.633	2.382.465.460
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		99.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	-	1.243.097.188
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	195.426.225.366	317.991.768.357
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	3.000.000.000	3.000.000.000
II. Nợ dài hạn	330		757.712.400	530.012.400
Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	757.712.400	530.012.400
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		522.975.785.663	563.773.325.118
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	522.975.785.663	563.773.325.118
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		495.000.000.000	495.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		495.000.000.000	495.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(74.372.727)	(74.372.727)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.050.158.390	68.847.697.845
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		68.847.697.845	63.025.216.669
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(40.797.539.455)	5.822.481.176
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		725.783.630.371	904.988.599.601

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**ĐỖ HÙNG**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN TRUNG NGHĨA

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THÙY VƯƠNG

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃU B02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	325.794.836.363	636.001.830.541
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		325.794.836.363	636.001.830.541
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	336.606.313.690	598.159.852.567
5. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(10.811.477.327)	37.841.977.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	166.797.769	4.358.935.906
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.056.761.373	25.931.758.910
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.039.361.852</i>	<i>25.719.365.093</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	785.058.307	2.217.037.265
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.921.814.853	11.112.868.133
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(40.408.314.091)	2.939.249.572
11. Thu nhập khác	31		80.618.884	4.631.619.660
12. Chi phí khác	32		301.844.248	66.042.857
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	(221.225.364)	4.565.576.803
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		(40.629.539.455)	7.504.826.375
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	1.514.345.199
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(40.629.539.455)	5.990.481.176
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	(821)	121
19. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	(821)	121

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021



ĐỖ HÙNG
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN TRUNG NGHĨA
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THỦY VƯƠNG
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(40.629.539.455)	7.504.826.375
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		27.155.631.311	18.743.323.327
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.842)	85.891
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(246.789.030)	(8.983.779.408)
- Chi phí lãi vay	06		21.039.361.852	25.719.365.093
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.318.656.836	42.983.821.278
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	73.399.798.515	(39.498.644.668)
- Giảm hàng tồn kho	10		19.612.748.877	18.342.682.843
- (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(11.496.569.932)	(1.005.614.589)
- Giảm chi phí trả trước	12		351.154.147	2.202.199.481
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(23.040.695.675)	(23.901.411.960)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.723.803.028)	(1.095.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(168.000.000)	(168.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.253.289.740	(2.139.967.615)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(3.437.698.773)	(1.151.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.255.000.000	805.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.316.347.420)	(60.370.777.634)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		83.848.939.516	83.170.693.943
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	943.094.680	4.370.834.435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		62.292.988.003	26.824.932.562
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		285.295.317.130	572.803.345.905
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(407.860.860.121)	(596.311.625.008)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(825.687.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(122.565.542.991)	(24.333.966.643)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.980.734.752	350.998.304
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	4.007.954.092	3.657.041.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.842	(85.891)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.988.696.686	4.007.954.092

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021



TRẦN TRUNG NGHĨA
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THÙY VƯƠNG
 Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 0302124121 (thay cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382) ngày 21 tháng 6 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi thông tin số chứng minh nhân dân của ông Đỗ Hùng, người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 4 tháng 3 năm 2015, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 13/2015/GCNCP-VSD, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Số lượng 16.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tương ứng giá trị 165.000.000.000 VND đã được đăng ký với mã chứng khoán được cấp là KVC. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 173/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 3 năm 2015.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 13/2015/GCNCP-VSD-1 ngày 15 tháng 6 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 16.500.000 cổ phiếu lên 49.500.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 165.000.000.000 VND lên 495.000.000.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 495.000.000.000 VND
Số cổ phiếu : 49.500.000 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

- Địa chỉ : 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-028) 3797 9009
Fax : (84-028) 3797 9100
Mã số thuế : 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1

Chi nhánh

- Tên chi nhánh 1 : Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Địa chỉ : Ấp 11 Đường Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số chi nhánh : 0302124121-001

Tên chi nhánh 2 : Chi nhánh Lý Thường Kiệt - Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ

Địa chỉ : 22/48 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số chi nhánh : 0302124121-002

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn inox. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: Mua bán xe chuyên dùng, xe tải, máy công cụ, máy xúc - đào, máy công nghiệp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh bất động sản; Mua bán, cho thuê nhà ở. Xây dựng nhà các loại. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Mua bán máy nông nghiệp. Sản xuất chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất, gia công định hình inox (không hoạt động tại trụ sở). Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Cán, kéo định hình inox dạng cuộn - dây - ống - U - V (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phản ánh lỗ 40.629.539.455 giảm 48.134.365.830 VND so với năm trước (lợi nhuận kinh doanh năm trước là 5.990.481.176 VND). Năm nay, doanh thu của Công ty chỉ đạt 325.794.836.363 VND, giảm đáng kể so với doanh thu năm trước với mức giảm là 310.206.994.178 VND, tương đương tỷ lệ giảm là 49%, và đây là nguyên nhân chính làm cho kết quả kinh doanh của Công ty sụt giảm đáng kể trong năm.

Nguyên nhân chủ yếu làm doanh thu và kết quả kinh doanh của Công ty giảm sút trong năm: Sản phẩm inox của Công ty đang từng bước thay đổi đủ phù hợp theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép không gỉ" do Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 15/2019/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2019. Theo đó, nguồn nguyên liệu sản xuất thép không gỉ của Công ty hiện nay (chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc và mua trong nước) sẽ không thể đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật mới này. Công ty đang tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên liệu khác đạt chuẩn kỹ thuật mới, đồng thời sản xuất, tiêu thụ hết nguyên liệu tồn kho trong thời gian qua, cho nên lượng đơn đặt hàng của Công ty giảm trong năm qua. Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh từ cuối năm 2019, đầu năm 2020, và diễn biến phức tạp, khó lường và kéo dài tại Việt Nam và trên toàn thế giới, ... điều này đã làm cho các nguồn cung cấp nguyên liệu của Công ty bị phong tỏa, hạn chế, thiếu hụt. Yêu cầu chất lượng sản phẩm khắt khe, nhu cầu và thị trường tiêu thụ sản phẩm lại giảm; sản xuất giảm, cầm chừng trong khi chi phí khấu hao tài sản cố định, khấu hao nhà xưởng và máy móc thiết bị mới đầu tư hoàn thành sử dụng trong năm lại gia tăng, gánh nặng chi phí lãi vay không suy giảm

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

so với năm trước,... Đây chính là các nguyên nhân chủ yếu làm doanh thu sụt giảm đáng kể và phát sinh lỗ lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua.

Hội đồng quản trị Công ty đã và đang chủ động hàng loạt các giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cũng như thích ứng với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép không gỉ. Công ty đã nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ từ các ngân hàng, đối tác, các nhà cung cấp, đồng thời đang tiến hành nghiên cứu thị trường, mở rộng kinh doanh các dòng sản phẩm khác trong và ngoài ngành bằng việc tận dụng các lợi thế về máy móc thiết bị, quỹ đất, công trình nhà xưởng đã đầu tư sẵn có đi đôi với hoạch định lại nhà xưởng cho thuê những diện tích chưa cần sử dụng, kiểm soát tối ưu chi phí hoạt động. Hội đồng quản trị Công ty cho rằng Công ty sẽ tạo ra đủ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được phân loại lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.5).

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 13 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 76 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 13 (mười ba) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	2 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 10
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Cây trồng lâu năm	8

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán/ máy tính.

Quyền sử dụng đất

Giá trị các quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.. và các quyền sử dụng đất do ông Đỗ Hùng (cố đồng, Chủ tịch HĐQT) góp vốn. Các quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính/ kế toán

Giá trị phần mềm máy tính/ kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính/ kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 - 8 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trong trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của Công ty theo hình thức BCC chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia lợi nhuận sau thuế thường là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát. Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

Bên thực hiện kế toán và quyết toán thuế phải căn cứ vào bản chất của hợp đồng để kế toán một cách phù hợp theo nguyên tắc:

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm các lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với NSNN, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền mua bảo hiểm, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: các khoản phải nộp bảo hiểm, các khoản nhận ký cược, ký quỹ và các khoản phải trả khác.

15. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

17. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

18. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh.

20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

22. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.690.198.965	3.964.087.615
Tiền gửi ngân hàng	4.298.497.721	43.866.477
Cộng	5.988.696.686	4.007.954.092

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	-	-	40.183.147.652	40.183.147.652
Tiền gửi kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	40.183.147.652	40.183.147.652
b) Dài hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	40.683.147.652	40.683.147.652

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Duy Phương	4.894.861.915	6.394.110.246
Công ty TNHH MTV SX TM DV Đức Phát	-	6.000.326.200
Công ty TNHH Kinh doanh Kim Đình	23.962.139.179	36.626.378.985
Công ty TNHH Công Nghệ Kim Long	228.323.220	1.808.313.500
Công ty TNHH Kinh doanh Lạc Hồng	7.458.220.278	38.559.080.478
Công ty TNHH Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Dịch vụ Lê Gia	15.059.083.150	-
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	997.432.471	3.605.733.400
Công ty TNHH TM DV Thép Phát Tiến	4.980.822.000	-
Công ty TNHH Inox Thành Phát	1.096.539.176	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thăng Thế	22.631.715.579	9.393.579.830
Các khách hàng khác	10.940.060.998	17.182.032.189
Cộng	92.249.197.966	119.569.554.828

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kinh doanh Phú Phong	19.297.700.219	17.460.905.605
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Maximex	-	7.133.365.156
Công ty Cổ phần Kinh doanh Phù Sa	17.775.095.478	16.589.979.266
Các nhà cung cấp khác	770.362.000	97.300.000
Cộng	37.843.157.697	41.281.550.027

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	265.248.759	-	10.976.436.920	-
Phải thu lãi cho vay	-	-	23.240.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	-	-	757.632.375	-
Phải thu lãi trái phiếu	13.816.728	-	9.250.003	-
Tạm ứng	251.294.600	-	10.186.314.542	-
Phải thu khác	137.431	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	36.000.000.000	-
Góp vốn thực hiện dự án Khu du lịch Bến Thành Long Hải	-	-	36.000.000.000	-
Cộng	265.248.759	-	46.976.436.920	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.246.113.123	-	40.436.929.980	-
Công cụ, dụng cụ	6.463.358.443	-	7.141.354.422	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	437.569.800	-	4.028.048.660	-
Thành phẩm	82.951.028.987	-	97.093.059.467	-
Hàng hóa	146.283.713.710	-	123.295.140.411	-
Cộng	252.381.784.063	-	271.994.532.940	-

7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	139.743.364	49.736.082
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	3.779.421
Chi phí bảo hiểm	15.307.910	20.873.726
Chi phí sửa chữa	-	3.850.000
Các chi phí khác	124.435.454	21.232.935
b) Dài hạn	521.774.609	962.936.038
Chi phí công cụ, dụng cụ	488.168.515	530.334.037
Chi phí bảo hiểm	-	10.161.198
Chi phí sửa chữa	8.292.902	256.809.174
Các chi phí khác	25.313.192	165.631.629
Cộng	661.517.973	1.012.672.120

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	102.454.313.678	222.390.696.635	1.336.025.455	999.400.134	1.700.000.000	328.880.435.902
Tăng trong năm	29.147.579.549	14.420.229.093	-	-	4.275.000.000	47.842.808.642
<i>Mua sắm mới</i>	-	3.329.320.000	-	-	1.245.000.000	4.574.320.000
<i>XDCB hoàn thành</i>	29.147.579.549	36.773.819.093	-	-	3.030.000.000	68.951.398.642
Giảm trong năm	-	-	1.007.498.182	-	-	1.007.498.182
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	1.007.498.182	-	-	1.007.498.182
Số cuối năm	131.601.893.227	262.493.835.728	328.527.273	999.400.134	5.975.000.000	401.398.656.362
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	53.724.305.955	80.271.050.452	1.334.813.321	984.612.634	637.499.988	136.952.282.350
Tăng trong năm	6.653.002.614	17.545.576.575	1.212.134	14.787.500	404.749.996	24.619.328.819
<i>Khấu hao trong năm</i>	6.653.002.614	17.545.576.575	1.212.134	14.787.500	404.749.996	24.619.328.819
Giảm trong năm	-	-	1.007.498.182	-	-	1.007.498.182
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	1.007.498.182	-	-	1.007.498.182
Số cuối năm	60.377.308.569	97.816.627.027	328.527.273	999.400.134	1.042.249.984	160.564.112.987
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	48.730.007.723	142.119.646.183	1.212.134	14.787.500	1.062.500.012	191.928.153.552
Số cuối năm	71.224.584.658	164.677.208.701	-	-	4.932.750.016	240.834.543.375

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Số đầu năm	12.679.207.154	32.522.223.569	1.263.298.182	910.675.134	-	47.375.404.039
Số cuối năm	14.637.435.038	38.817.866.545	328.527.273	999.400.134	-	54.783.228.990
GTCL của TSCĐ thế chấp nợ vay (xem Thuyết minh số V.16):						
Số đầu năm	28.761.233.224	5.223.318.249	-	-	-	33.984.551.473
Số cuối năm	24.946.716.135	3.055.991.068	-	-	-	28.002.707.203

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong số Nhà cửa, vật kiến trúc có một số nhà cửa, vật kiến trúc tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 18.641.281.619 VND và trong số Máy móc thiết bị có một số máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại 110.875.802.245 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính/ kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	103.412.261.000	2.696.212.300	106.108.473.300
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	103.412.261.000	2.696.212.300	106.108.473.300
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	7.714.389.180	2.258.712.279	9.973.101.459
Tăng trong năm	2.286.302.496	249.999.996	2.536.302.492
Khấu hao trong năm	2.286.302.496	249.999.996	2.536.302.492
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	10.000.691.676	2.508.712.275	12.509.403.951
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	95.697.871.820	437.500.021	96.135.371.841
Số cuối năm	93.411.569.324	187.500.025	93.599.069.349

Nguyên giá của các phần mềm máy tính/ kế toán bao gồm phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 946.212.300 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 946.212.300 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại tương ứng là 36.828.692.624 VND và 56.582.876.700 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 37.875.954.020 VND và 57.821.917.800 VND) đang được sử dụng để thế chấp cho khoản các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi (xem Thuyết minh số V.16).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	39.803.819.093
Hệ thống lò ủ	-	8.181.818.182
Cây cảnh	-	3.030.000.000
Phụ kiện máy cán, lò ủ	-	2.909.090.911
Hệ thống máy gia công thép không gỉ đảo chiều 04 trục	-	25.682.910.000
Xây dựng cơ bản	-	27.329.397.731
Xây dựng nhà xưởng A8	-	13.126.727.273
Hệ thống xử lý chất thải và hút bụi	-	2.727.272.727
Nhà xưởng sản xuất - kho ống mở rộng	-	11.020.852.276
Các công trình tài sản khác	-	454.545.455
Sửa chữa tài sản cố định	243.198.772	1.818.181.818
Nâng cấp sửa chữa nhà xưởng chống thấm	-	1.818.181.818
Sửa chữa khác	243.198.772	-
Cộng	243.198.772	68.951.398.642

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	2.143.847.743	2.143.847.743	1.456.790.886	1.456.790.886
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Chailease	-	-	8.451.745.889	8.451.745.889
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Maximex	415.675.494	415.675.494	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Cầu đường Vĩnh Hưng	65.700.000	65.700.000	215.700.000	215.700.000
Các nhà cung cấp khác	296.813.250	296.813.250	1.153.846.233	1.153.846.233
Cộng	2.922.036.487	2.922.036.487	11.278.083.008	11.278.083.008

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cửa hàng Khôi Linh	2.654.500	2.654.500
Cơ sở Tiến Lên	27.680.500	42.580.000
Công ty Cổ phần TM XNK Maximex	-	191.039.500
Công ty TNHH SX TM DV Thành Nhân TNE	3.851.601	3.851.601
Công ty TNHH MTV Thịnh Phước Kon Tum	4.083.600	4.083.600
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường Đức Thịnh	-	241.137.600
Các khách hàng khác	9.423.403	9.813.793
Cộng	47.693.604	495.160.594

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	841.951.118	841.951.118	-
Thuế nhập khẩu	(14.254.216)	-	-	(14.254.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.723.803.028	-	3.723.803.028	-
Thuế thu nhập cá nhân	994.353	25.127.383	26.121.736	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
<i>Thuế môn bài</i>	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	3.710.543.165	872.078.501	4.596.875.882	(14.254.216)

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14.254.216	14.254.216
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.724.797.381	-

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng: 10% áp dụng đối với doanh thu bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong nước.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	326.131.633	2.327.465.456
Phí dịch vụ thuê ngoài	55.000.000	55.000.004
Cộng	381.131.633	2.382.465.460

15. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	-	1.243.097.188
Bảo hiểm xã hội	-	1.097.461.283
Bảo hiểm y tế	-	101.300.004
Bảo hiểm thất nghiệp	-	44.335.901
b) Dài hạn	757.712.400	530.012.400
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	757.712.400	530.012.400
Cộng	757.712.400	1.773.109.588

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vay và nợ tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hạn	317.991.768.357	317.991.768.357	285.295.317.130	(407.860.860.121)	195.426.225.366	195.426.225.366
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>317.191.768.357</i>	<i>317.191.768.357</i>	<i>285.295.317.130</i>	<i>(407.060.860.121)</i>	<i>195.426.225.366</i>	<i>195.426.225.366</i>
Ngân hàng TMCP Á Châu (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	5.400.000.000	(12.500.000.000)	2.900.000.000	2.900.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	24.394.000.000	24.394.000.000	-	(24.394.000.000)	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Học Môn (ii)	109.987.000.000	109.987.000.000	84.581.000.000	(109.987.000.000)	84.581.000.000	84.581.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (iii)	144.837.621.280	144.837.621.280	130.839.261.084	(195.676.882.364)	80.000.000.000	80.000.000.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi (iv)	27.973.147.077	27.973.147.077	64.475.056.046	(64.502.977.757)	27.945.225.366	27.945.225.366
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	800.000.000	800.000.000	-	(800.000.000)	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Học Môn	800.000.000	800.000.000	-	(800.000.000)	-	-
Cộng	317.991.768.357	317.991.768.357	285.295.317.130	(407.860.860.121)	195.426.225.366	195.426.225.366

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản vay nợ như sau::

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:
- Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.2512.101219 ngày 11 tháng 12 năm 2019, hạn mức tín dụng là 3.200.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.
 - Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.2384.101219 ngày 11 tháng 12 năm 2019, hạn mức tín dụng là 6.800.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng bất động sản tại 22/48 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh của ông Đỗ Hòa (cổ đông, thành viên HĐQT kiêm Quyền Tổng Giám đốc) và bà Nguyễn Lê Trâm Thu đồng sở hữu để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn theo Hợp đồng tín dụng số 6140-LAV-201901892 ngày 20 tháng 8 năm 2019, Phụ lục hợp đồng số 6140-LAV-201901892/PLHĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 sửa đổi thời hạn cho vay và kỳ hạn trả lãi của các lần nhận nợ và Phụ lục số 6140-LAV-201901892/PLHĐ2020-02 ngày 18 tháng 8 năm 2020 duy trì hạn mức cấp tín dụng đến ngày 20 tháng 11 năm 2020, hạn mức tín dụng là 110.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng và tối đa không quá 10 tháng cho từng khoản vay. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất ống thép không rỉ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6140-LCL-201400974 ngày 14 tháng 6 năm 2014, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong khuôn viên thửa đất số 878, 879, tờ bản đồ số 65, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201402149/SĐBS ngày 5 tháng 4 năm 2016 (xem Thuyết minh số V.9), máy đánh bóng inox và phụ kiện máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201600296 ngày 5 tháng 4 năm 2016, phụ kiện máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201600426 ngày 5 tháng 4 năm 2016 (xem Thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 575, 576, 577, 578, 579 tờ bản đồ số 14 xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 6140-LCL-201701091 để thế chấp cho khoản vay này.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 21/2019-HĐCVHM/NHCT948-KIMVI ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 21/2019-HĐCVHM/NHCT948-KIMVI-VBSĐBS03 ngày 17 tháng 8 năm 2020, hạn mức tín dụng là 167.000.000.000 VND, thời hạn vay đến ngày 15 tháng 3 năm 2021. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất của bên thứ 3 theo các Hợp đồng thế chấp số 043/2015-HĐTC, số 042/2017-HĐTC, số 030/2017-HĐTC, số 026/2016-HĐTC, số 063/2017-HĐTC, số 014/HĐCC-2017, số 015/HĐCC-2017, số 018/HĐCC-2017, số 022/HĐCC-2017, số 067/HĐCC-2017, số 052/HĐCC-2017, số 070/HĐCC-2017, số 077/HĐCC-2017, số 082/HĐCC-2017 để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8812626/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2019, hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở Thư tín dụng (L/C). Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất thửa đất 875 tờ bản đồ 65 của Công ty (xem Thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ 3 để thế chấp cho khoản vay này.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.000.000.000	3.000.000.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi các quỹ	-	-
Số cuối năm	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

18. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước				
Số đầu năm	495.000.000.000	(74.372.727)	63.025.216.669	557.950.843.942
Lãi trong năm	-	-	5.990.481.176	5.990.481.176
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Số cuối năm	<u>495.000.000.000</u>	<u>(74.372.727)</u>	<u>68.847.697.845</u>	<u>563.773.325.118</u>
Năm nay				
Số đầu năm	495.000.000.000	(74.372.727)	68.847.697.845	563.773.325.118
Lãi trong năm	-	-	(40.629.539.455)	(40.629.539.455)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Số cuối năm	<u>495.000.000.000</u>	<u>(74.372.727)</u>	<u>28.050.158.390</u>	<u>522.975.785.663</u>

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị từ lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 số 0805/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 5 năm 2020 với số tiền là 168.000.000 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.500.000	49.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1 Ấ, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán***Ngoại tệ*

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	USD	32,67	1.497,90

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	323.335.839.995	626.843.941.722
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.412.781.368	8.667.673.819
Doanh thu khác	46.215.000	490.215.000
Cộng	325.794.836.363	636.001.830.541

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán các thành phẩm	335.941.377.933	597.278.905.002
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	664.935.757	880.947.565
Cộng	336.606.313.690	598.159.852.567

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi (hoàn nhập dự thu lãi tiền gửi trước hạn)	(439.436.029)	3.057.468.207
Lãi cho vay	561.633.334	1.270.979.004
Lãi trái phiếu	44.591.725	26.812.501
Lãi ký quỹ	-	1.001.042
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.739	2.675.152
Cộng	166.797.769	4.358.935.906

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	21.039.361.852	25.719.365.093
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.399.521	212.393.817
Cộng	21.056.761.373	25.931.758.910

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	281.551.816	970.418.615
Chi phí vật liệu, bao bì	-	145.887.349
Chi phí công cụ, dụng cụ	48.751.262	40.687.419
Chi phí khấu hao	356.253.440	356.093.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.501.789	659.941.919
Chi phí bằng tiền khác	-	44.008.160
Cộng	785.058.307	2.217.037.265

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.466.946.778	3.474.785.909
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.775.925	276.688.333
Chi phí khấu hao	5.325.264.326	5.515.173.566
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.920.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	589.652.128	1.314.492.530
Chi phí bằng tiền khác	365.175.696	525.807.795
Cộng	7.921.814.853	11.112.868.133

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	80.618.884	4.631.619.660
Thanh lý TSCĐ	80.000.000	4.627.518.654
Thu nhập khác	618.884	4.101.006
Chi phí khác	301.844.248	66.042.857
Phạt chậm nộp bảo hiểm	292.090.660	63.821.113
Lãi phạt chậm thanh toán	9.753.588	2.221.744
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(221.225.364)	4.565.576.803

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(40.629.539.455)	7.504.826.375
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	14.906.482.237	66.899.620
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(93.733)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	14.906.575.970	66.899.620
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	(25.723.057.218)	7.571.725.995
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.514.345.199

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2020 Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do Công ty bị lỗ.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(40.629.539.455)	5.990.481.176
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(40.629.539.455)	5.990.481.176

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1F, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.500.000	49.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(821)	121
a) Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(40.629.539.455)	5.990.481.176
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(40.629.539.455)	5.990.481.176
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.500.000	49.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	49.500.000	49.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(821)	121
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	296.179.230.747	529.297.678.163
Chi phí nhân công	2.614.051.223	10.033.846.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.155.631.311	18.743.323.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	901.850.140	3.013.544.435
Chi phí bằng tiền khác	729.914.089	4.904.903.743
Cộng	327.580.677.510	565.993.295.922

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay phải thu	-	23.240.000
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	-	757.632.375
Lãi trái phiếu nhập gốc	4.566.725	3.362.501
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản	1.829.320.000	-
Phải thu tiền thanh lý TSCĐ	-	5.175.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	326.131.633	2.327.465.456

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay phải thu năm trước đã thu trong năm nay	23.240.000	23.240.000
Lãi tiền gửi phải thu năm trước đã thu trong năm nay	757.632.375	775.568.557
Tiền thanh lý tài sản năm trước đã thu trong năm nay	5.175.000.000	-
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản năm trước đã trả trong năm nay	449.500.001	1.151.000.000
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm nay	<u>2.327.465.456</u>	<u>509.512.323</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	2.612.802.655	1.780.045.090
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	5.742.206.160	6.206.048.815
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>8.355.008.815</u>	<u>7.986.093.905</u>

Các khoản thu cho thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền cho thuê 396 m2 kho bãi, nhà xưởng và 65 - 70 m2 văn phòng tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH CDM Group theo Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng số 01/HĐT NXVK ngày 18 tháng 3 năm 2019 được ký với thời hạn 02 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2019, đơn giá cho thuê kho bãi, nhà xưởng là 49.500 VND/m2/tháng và đơn giá cho thuê văn phòng là 6.500.000 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê 1.000 m2 kho bãi và 300m2 nhà xưởng tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với ông Phan Thanh Tấn theo Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho bãi số 03-2019/HĐT NX ngày 15 tháng 6 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số 01-2020/PL-HĐT NX ngày 01 tháng 01 năm 2020 ngày, thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, đơn giá cho thuê 10.000.000 VND/ tháng và điều chỉnh tăng 10% sau mỗi kỳ 2 năm.
- Tổng số tiền cho thuê 2.171 m2 kho bãi, nhà xưởng và 45 m2 văn phòng tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường Đức Thịnh theo Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng số 05-2019/HĐT NX ngày 28 tháng 8 năm 2019 được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 16 tháng 11 năm 2019, đơn giá cho thuê kho bãi, nhà xưởng là 52.800 VND/m2/tháng và đơn giá cho thuê văn phòng là 132.000 VND/m2/tháng; đơn giá cho thuê được điều chỉnh tăng 10% sau mỗi kỳ 2 năm.
- Tổng số tiền cho thuê 825 m2 kho bãi tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chín Tỷ theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 05-2020/HĐT NX ngày 01 tháng 6 năm 2020 được kỳ với thời hạn 02 năm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2020, đơn giá cho thuê kho bãi, nhà xưởng là 52.800 VND/m²/tháng; đơn giá cho thuê được điều chỉnh tăng 5% sau mỗi kỳ 1 năm.

- Tổng số tiền cho thuê 990 m² kho bãi và thiết bị Ba lẵng tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Dương Nhật theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 02-2020/HĐT NX ngày 04 tháng 6 năm 2020 được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2020, đơn giá cho thuê kho bãi, nhà xưởng là 51.700 VND/m²/tháng và đơn giá cho thuê thiết bị Ba lẵng là 3.300 VND/m²/tháng; đơn giá cho thuê được điều chỉnh tăng 10% sau mỗi kỳ 2 năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

2. Nghiệp vụ và số dư bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Hùng	Chủ tịch HĐQT/ Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/8/2020)	242.400.000	242.400.000
Ông Đỗ Hòa	Thành viên HĐQT/ Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/8/2020, trước đó là Phó Tổng Giám đốc)	224.400.000	183.692.400
Bà Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	175.200.000	146.400.000
Ông Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên HĐQT	102.769.500	114.025.200
Ông Lưu Xuân	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 8/5/2020)	39.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Đài Trang	Thành viên Ban kiểm soát	117.000.000	105.334.615
Ông Nguyễn Tăng Minh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	186.653.500	192.548.050
Cộng		1.111.423.000	1.128.400.265

3. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm inox do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động bán hàng, cung cấp sản phẩm tại các thị trường miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Hoạt động sản xuất được thực hiện tại Nhà máy Công ty tại miền Nam. Trong năm 2020, Công ty chủ yếu phát sinh hoạt động bán hàng, cung cấp sản phẩm tại thị trường miền Nam do do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm phổi Virus Corona (Covid -19).

Dưới đây là phân tích lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Năm nay				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	325.794.836.363	325.794.836.363
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	325.794.836.363	325.794.836.363
Giá vốn hàng bán phân bổ theo bộ phận	-	-	336.606.313.690	336.606.313.690
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	(10.811.477.327)	(10.811.477.327)
Năm trước				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.145.455	5.053.954.428	630.451.730.658	636.001.830.541
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.145.455	5.053.954.428	630.451.730.658	636.001.830.541
Giá vốn hàng bán phân bổ theo bộ phận	466.624.903	4.753.245.180	592.939.982.484	598.159.852.567
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.520.552	300.709.248	37.511.748.174	37.841.977.974

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chuyên ngành inox, do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	195.426.225.366	317.991.768.357
Trừ: Tiền	(5.988.696.686)	(4.007.954.092)
Nợ thuần	189.437.528.680	313.983.814.265
Vốn chủ sở hữu	522.975.785.663	563.773.325.118
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	36%	56%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền	5.988.696.686	5.988.696.686	4.007.954.092	4.007.954.092
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	500.000.000	40.683.147.652	40.683.147.652
Phải thu của khách hàng	92.249.197.966	92.249.197.966	119.569.554.828	119.569.554.828
Phải thu về cho vay	-	-	19.349.444.444	19.349.444.444
Phải thu khác	13.816.728	13.816.728	36.790.122.378	36.790.122.378
Cộng	98.751.711.380	98.751.711.380	220.400.223.394	220.400.223.394
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.922.036.487	2.922.036.487	11.278.083.008	11.278.083.008
Chi phí phải trả	381.131.633	381.131.633	2.382.465.460	2.382.465.460
Phải trả khác	757.712.400	757.712.400	530.012.400	530.012.400
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	195.426.225.366	195.426.225.366	317.991.768.357	317.991.768.357
Cộng	199.487.105.886	199.487.105.886	332.182.329.225	332.182.329.225

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÌ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá trên thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến lãi tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính	500.000.000	54.683.147.652
Tiền gửi có kỳ hạn	-	40.183.147.652
Trái phiếu	500.000.000	500.000.000
Phải thu về cho vay (cho vay có lãi)	-	14.000.000.000
Nợ phải trả tài chính	195.426.225.366	317.991.768.357
Các khoản vay	195.426.225.366	317.991.768.357
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	<u>(194.926.225.366)</u>	<u>(263.308.620.705)</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/ tăng tương ứng là 1.949.262.254 VND (năm 2019: 2.633.178.707 VND).

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1I, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, phải thu từ hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Hội đồng quản trị Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Trong vòng 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản tài chính			
Tiền	5.988.696.686	-	5.988.696.686
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu của khách hàng	92.249.197.966	-	92.249.197.966

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Phải thu về cho vay	-	-	-
Phải thu khác	13.816.728	-	13.816.728
Cộng	98.751.711.380	-	98.751.711.380
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả cho người bán	2.922.036.487	-	2.922.036.487
Chi phí phải trả	381.131.633	-	381.131.633
Phải trả khác	-	757.712.400	757.712.400
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	195.426.225.366	-	195.426.225.366
Cộng	198.729.393.486	757.712.400	199.487.105.886
Chênh lệch thanh khoản thuần	(99.977.682.106)	(757.712.400)	(100.735.394.506)
Số đầu năm			
Tài sản tài chính			
Tiền	4.007.954.092	-	4.007.954.092
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.683.147.652	-	40.683.147.652
Phải thu của khách hàng	119.569.554.828	-	119.569.554.828
Phải thu về cho vay	14.000.000.000	5.349.444.444	19.349.444.444
Phải thu khác	790.122.378	36.000.000.000	36.790.122.378
Cộng	179.050.778.950	41.349.444.444	220.400.223.394
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả cho người bán	11.278.083.008	-	11.278.083.008
Chi phí phải trả	2.382.465.460	-	2.382.465.460
Phải trả khác	-	530.012.400	530.012.400
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	317.991.768.357	-	317.991.768.357
Cộng	331.652.316.825	530.012.400	332.182.329.225
Chênh lệch thanh khoản thuần	(152.601.537.875)	40.819.432.044	(111.782.105.831)

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. So sánh số liệu

Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi tiết như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Bảng cân đối kế toán**

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (Được trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	62.857.216.669	168.000.000	63.025.216.669
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	<u>5.990.481.176</u>	<u>(168.000.000)</u>	<u>5.822.481.176</u>

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021



ĐỖ HÙNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN TRUNG NGHĨA
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THÙY VƯƠNG
Người lập biểu



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính